

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 73/2022/DS-PT

Ngày: 07/4/2022

V/v trông chấp “Chia thừa kế  
theo di chúc”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DÔNG  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thông Vân;

*Các Thẩm phán:* Ông Mai Hoàng Khải;  
Bà Nguyễn Thị Ánh PH.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quang Minh Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc trông chấp “Chia thừa kế theo di chúc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2021/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 78 P, khu phố x, phường y, thị xã G, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số s, khu phố n, phường m, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp L, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp L, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Nguyễn Thị L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường 2, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Nguyễn Thị L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 161 đường N, khu phố t, phường q, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Nguyễn Văn T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp L, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Nguyễn Thị Trang.

Địa chỉ: Ấp L, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Trương Văn Hùng, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp L, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.8. Trương Văn Th, sinh năm 1977.

- Địa chỉ: Ấp L, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
- 3.9. Trương Thị L (U), sinh năm 1983.
- Địa chỉ: Ấp L, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
- 3.10. Phan Thị Ngọc T, sinh năm 2003.
- Địa chỉ: Ấp L, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
- 3.11. Nguyễn Thị N, sinh năm 1972.
- Địa chỉ: Ấp L, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
- 3.12. Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1978.
- Địa chỉ: Ấp L, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
4. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ch.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo bản án sơ thẩm,*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

bà Ch và ông H kết hôn năm 2002. Cha chồng là ông Nguyễn Văn R chết ngày 02 tháng 12 năm 2018, mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Nh chết ngày 30 tháng 8 năm 2018. Ngày 03 tháng 01 năm 2002, cha mẹ chồng có lập di chúc chia cho bà Ch và ông H phần đất lúa diện tích 3.005m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 02, xã LC và diện tích 83m<sup>2</sup> đất vườn cùng căn nhà trên đất vườn tại khu phố 5, phường p, thị xã G. Nhà đất hiện nay do ông H quản lý sử dụng. Căn nhà trên đất là do bà Ch bỏ tiền ra xây cách nay nhiều năm và không nhớ rõ bao nhiêu tiền. Sau đó thì ông H có trả lại cho bà 7.500.000 đồng tiền cất nhà. Do không thể sống chung với nhau được nên bà Ch phải ra ngoài sống cùng với con trai chung của bà với ông H. Nay bà Ch yêu cầu được chia di sản của ông R, bà Nh chết để lại cho bà theo di chúc ông bà lập ngày 03 tháng 01 năm 2002. Xin hưởng bằng hiện vật đối với đất lúa diện tích 665m<sup>2</sup> và hưởng bằng giá trị theo kết quả định giá mà Hội đồng định giá đã định đất vườn với diện tích 41.5m<sup>2</sup> do đất vườn diện tích nhỏ không thể tách thửa và trên đất vườn có nhà thờ để thờ cúng cha mẹ chồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Khi kết hôn với bà Ch thì ông bà về bên nhà bà Ch sinh sống mấy chục năm với nhau và đến khi cha mẹ ông già yếu thì ông trở về nhà cha mẹ ông để chăm sóc cho đến khi ông bà mất. Nhà trên đất tại khu phố 5, phường p là trước đây bà Ch có hùn tiền để xây nhưng sau đó hai bên mâu thuẫn thì bà Ch đã nhận lại tiền hùn do chính ông giao trả mười mấy triệu chứ không phải 7.500.000 đồng như bà Ch trình bày. Khi nhận xong tiền bà Ch tuyên bố không còn liên quan gì với nhau nữa, bà không cần di chúc cho bà tài sản gì. Ngày 03 tháng 01 năm 2002, cha mẹ ông có di chúc tặng cho nhà đất của cha mẹ ông cho các ông em trai ông và bà Ch nhưng sau khi bà Ch đòi tiền xây nhà thì cha mẹ ông mới gạch tên bà Ch ra khỏi di chúc và ghi thêm vài câu với nội dung “Là không di chúc cho bà Ch gì cả”. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Ch, ông không đồng ý vì cha mẹ ông đã không đồng ý di chúc chia di sản cho bà Ch.

- Ông Nguyễn Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Di chúc cha mẹ ông cho ông thế nào thì nhận theo đúng di chúc. Phần đất cha

mẹ ông cho ông thì ông đã quản lý, sử dụng mấy chục năm nay và chưa sang tên vì trông chấp xảy ra. Đối với yêu cầu của bà Ch, ông không đồng ý.

- Bà Nguyễn Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thửa đất 82, khi cha mẹ bà còn sống đã chuyển nhượng cho người khác nên không còn. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ch vì cha mẹ bà đã gach tên bà Ch ra khỏi di chúc. Bà thống nhất lời trình bày nêu trên của ông H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Theo tờ di chúc thì cha mẹ ông chia đất lúa cho các ông bà em ông gồm ông, ông Sự, ông T, ông H, bà Ô, ông S và bà Ch; chia đất vườn và nhà cho ông H, bà Ch. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà là con của bà Ô và ông A. Cha mẹ bà đã chết và cha mẹ bà có 02 người con chung là bà và bà N. Mẹ bà có con với chồng sau thì sinh được 04 người con là ông Th, ông H, bà L, bà Tr. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ch, cả hai không trông chấp gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ngọc T trình bày: ông R và bà Nh là ông bà nội của bà, cha bà là ông Nguyễn Văn S đã chết và xin nhận phần của ông bà nội để lại cho cha bà.

\* Bản án sơ thẩm số 152/2021/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 634, 635, 649, 650, 651, 652, 655, 656 Bộ luật dân sự năm 1995; Căn cứ điều 643 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

1. Bà Nguyễn Thị Ch được chia giá trị tính bằng đồng Việt Nam với số tiền 340.500.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) đối với di sản thừa kế theo di chúc ngày 03 tháng 01 năm 2002 của ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Nh gồm:

- Diện tích 41,5m<sup>2</sup> đất vườn, thửa đất số 232, diện tích 83m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09253 QSDĐ/P4 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 02 tháng 6 năm 1997 cho ông Nguyễn Văn R đứng tên. Đất tọa lạc tại phường p, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Diện tích 665m<sup>2</sup> đất lúa, thửa 13, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04405 QSDĐ/LC do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26 tháng 9 năm 2003 cho ông Nguyễn Văn R đứng tên. Đất tọa lạc tại xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ chia cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền 340.500.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng*). Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ch có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn H được quyền quản lý, sử dụng và đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 232 và 13 theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn Nguyễn Thị Ch kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho bà được nhận giá trị tài sản bằng hiện vật là đất.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm số 152/2021/DS-ST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/3/2022, bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ phần đất bà yêu cầu được chia và được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên đến ngày 24/3/2022, bà Nguyễn Thị Ch lại có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa hôm nay bà Ch tiếp tục giữ nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

-Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Việc rút kháng cáo của bà Ch là tự nguyện, đúng pháp luật đề nghị HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Ch.

+ Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Tiền Giang rút một phần nội dung kháng nghị, chỉ giữ lại phần nội dung kháng nghị về án phí. Đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm tất cả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên đã được triệu tập lần thứ hai vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch khởi kiện yêu cầu được chia di sản của ông R, bà Nh để lại cho bà theo di chúc ông bà đã lập ngày 03 tháng 01 năm 2002. Xin hưởng bằng hiện vật đối với đất lúa diện tích 665m<sup>2</sup> và hưởng bằng giá trị theo kết quả định giá mà Hội đồng định giá đã định đối với phần đất vườn với diện tích 41.5m<sup>2</sup> nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “**Chia thừa kế theo di chúc**” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch với bị đơn ông Nguyễn Văn H là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 BLTTDS.

[4] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ch và kháng nghị của Viện trưởng VKSND thị xã G, tỉnh Tiền Giang là đúng quy định tại Điều 272, 273, 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo xin rút đơn kháng cáo. Việc rút yêu cầu kháng cáo của bà Ch là tự nguyện, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Ch.

[6] Xét tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Tiền Giang rút một phần nội dung kháng nghị số 686/QĐKNPT-VKS-DS ngày 15/11/2021 của Viện trưởng VKSND thị xã G tỉnh Tiền Giang, chỉ giữ lại nội dung kháng nghị về phần án phí là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[7] Xét nội dung kháng nghị về phần án phí tại kháng nghị số 686/QĐKNPT-VKS-DS ngày 15/11/2021 của VKSND thị xã G tỉnh Tiền Giang, HĐXX nhận thấy, Viện kiểm sát cho rằng án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Ch phải nộp 17.025.000 đồng án phí sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên ông H cũng nhận được ½ di sản nhưng cấp sơ thẩm lại không buộc ông H chịu án phí sơ thẩm là vi phạm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là có căn cứ nên chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- bà Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 228, Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 634, 635, 649, 650, 651, 652, 655, 656 Bộ luật dân sự năm 1995;

- Căn cứ Điều 643 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ch. Đình chỉ xét xử phúc thẩm các nội dung kháng nghị đã bị rút. Chấp nhận một phần kháng nghị số 686/QĐKNPT-VKS-DS ngày 15/11/2021 của Viện trưởng VKSND thị xã G tỉnh Tiền Giang, sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch về việc yêu cầu được chia di sản thừa kế của ông R, bà Nh để lại cho bà theo di chúc mà ông R, bà Nh đã lập ngày 03 tháng 01 năm 2002.

- Buộc ông Nguyễn Văn H chia cho bà Nguyễn Thị Ch 340.500.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng) là giá trị di sản bà Ch được hưởng gồm:

+ Diện tích 41.5m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa số 232, diện tích 83m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09253 QSDĐ/P4 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 02 tháng 6 năm 1997 cho ông Nguyễn Văn R đứng tên. Đất tọa lạc tại phường p, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Diện tích 665m<sup>2</sup> đất lúa thuộc thửa số 13, diện tích 4.330 m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04405 QSDĐ/LC do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26 tháng 9 năm 2003 cho ông Nguyễn Văn R đứng tên. Đất tọa lạc tại xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Thời gian thực hiện việc giao tiền sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ch có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chia cho ông Nguyễn Văn H thửa đất số 232, diện tích 83m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09253 QSDĐ/P4 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 02 tháng 6 năm 1997 cho ông Nguyễn Văn R đứng tên. Đất tọa lạc tại phường p, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, và diện tích 1.330 m<sup>2</sup> đất lúa thuộc thửa số 13, diện tích 4.330 m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04405 QSDĐ/LC do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26 tháng 9 năm 2003 cho ông Nguyễn Văn R đứng tên. Đất tọa lạc tại xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- ông H được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích được chia nói trên theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 1.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đã nộp xong.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ch không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại bà Ch 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 6533 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G. Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 17.025.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 2.892.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 43636 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Bà Nguyễn Thị Ch còn phải nộp tiếp số tiền 14.132.500 đồng.

- Ông Nguyễn Văn H phải nộp 17.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX. G;
- CC THADS TX. Gò;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Vân**